TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2018/DS-ST
Ngày: 19-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Bình

2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trúc Giang, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Lầu 8, Số 266 - 268 Đường N, Phường A, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ; Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T, năm sinh 1994 (có mặt).

(Theo giấy ủy quyền số 004/2018/UQ-TTT ngày 02 tháng 01 năm 2018).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn B, năm sinh 1978; địa chỉ: Số 193/1E Đường X, Phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Phạm Trường T là người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 28/12/2011, ông Lê Văn B ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng S) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông B, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 50.700.000 đồng và trong quá trình sử dụng thẻ ông B đã trả cho Ngân hàng S số tiền 22.692.000 đồng rồi ngưng. Ngân hàng S đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/3/2018 là 125.369.530 đồng, trong đó: Nợ gốc 40.527.070 đồng, nợ lãi quá hạn 84.842.460 đồng. Ngoài ra, ông B còn phải trả khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết ngày 28/12/2011.

Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B.

Tại phiên tòa, ông Phạm Trường T - người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S yêu cầu ông Lê Văn B trả tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 12/6/2018 là 128.898.457 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc 40.527.070 đồng và tiền lãi 88.371.387 đồng. Ngoài ra, ông B còn phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử đến khi trả hết tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2011 thì ông B có đơn đề nghị vay của Ngân hàng S số tiền

40.000.000 đồng. Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông B trả tiền nợ gốc và tiền lãi còn thiếu là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Lê Văn B trả số tiền đã vay còn nợ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét ông Lê Văn B hiện cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng S khởi kiện ông B tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[4] Xét Ngân hàng S yêu cầu ông B trả tiền nợ gốc 40.527.070 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2011 thì giữa ông B và Ngân hàng S đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thanh toán tự động trừ thẻ tín dụng, theo đó ông B đề nghị hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng nhưng chỉ được Ngân hàng S phê duyệt hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng. Thực tế ông B đã giao dịch với số tiền 40.527.070 đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông B trả số tiền này là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S thì tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo mức lãi suất mà Ngân hàng S áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Cụ thể tại thời điểm ông B ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S thì mức lãi suất là 2,15%/tháng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng S và thông báo chuyển nợ quá hạn nên ông B phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ vi phạm. Theo bảng tóm tắt sao kê tính đến ngày 12/6/2018 thì tiền lãi mà ông B phải chịu là 88.371.387 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có cơ sở nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S buộc ông B trả tiền nợ gốc 40.527.070 đồng và tiền lãi 88.371.387 đồng, tổng tiền gốc và lãi 128.898.457 đồng. Ngoài ra, ông B còn phải trả khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2018 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết ngày 28/12/2011.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông B vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và không có bất kỳ ý kiến trình bày nào. Tại phiên tòa hôm nay, ông B vẫn vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra bất cứ phản hồi nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông B phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu án phí sơ thẩm 6.444.923 đồng. Ngân hàng S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1.1 Buộc ông Lê Văn B trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc còn thiếu 40.527.070 (Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi) đồng và tiền lãi 88.371.387 (Tám mươi tám triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi mốt) đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi 128.898.457 (Một trăm hai mươi tám triệu tám trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Ngoài ra, ông B còn phải trả khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết ngày 28/12/2011.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.444.923 (Sáu triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi ba) đồng.

2.2 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền 2.961.059 (Hai triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm năm mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007169 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

3.2 Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu